HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN NHỊ HÀ

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGLAI Ở VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 9 38 01 06

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành

tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Đoàn Thị Tố Uyên

PGS.TS Dương Thị Tươi

Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Hoàng Anh

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Như Hà

Phản biện 3: PGS.TS Nguyễn Minh Hằng

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện họp tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Vào hồi 08 giờ 30 ngày 01 tháng 8 năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chính Minh

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Giáo dục pháp luật là quá trình tác động thường xuyên, liên tục, hệ thống và có mục đích tới nhận thức của con người nhằm nâng cao hiểu biết, hình thành tri thức pháp luật phù hợp với các chủ thể, hình thành thói quen xử sự theo pháp luật với động cơ tích cực, góp phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh. Vì vậy, một trong những nhiệm vụ chiến lược được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định là: *"... Tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo phát luật, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa*" [22, tr.337]. Đồng thời, Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, trong đó 53/54 DTTS, chiếm 14,7% dân số cả nước [75]; với địa bàn cư trú chủ yếu ở khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, có điều kiện KT-XH khó khăn. Đây là những địa bàn *"phên dậu",* có vị trí chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Vì vậy, trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước, Đảng, Nhà nước ta luôn đặc biệt quan tâm xây dựng, thực hiện chính sách cho vùng DTTS; xác định công tác dân tộc, đoàn kết dân tộc có vị trí đặc biệt quan trọng của cách mạng Việt Nam.

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam, năm 2019, dân tộc Raglai có khoảng 146.613 người, xếp thứ 19/54 dân tộc ở nước ta và phân bố tại 18/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tập trung chủ yếu ở khu vực Nam Trung Bộ [75]. Trong quá trình sinh sống, làm việc, đa số đồng bào dân tộc Raglai đã tuân thủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của địa phương nơi cư trú, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển KT-XH của đất nước. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận đồng bào dân tộc Raglai do nhiều nguyên nhân khác nhau còn có hành vi vi phạm pháp luật. Trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025, có 125 đối tượng là người dân tộc Raglai đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Sông Cái, Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Bộ Công an [Bảng 3].

Thực hiện Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, giai đoạn 2017-2021 *(Đề án số 1163)*, cấp ủy, chính quyền địa phương đã ban hành nhiều chủ trương, biện pháp nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức, thực hiện pháp luật cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác GDPL cho đồng bào Raglai ở Việt Nam đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, như: mục tiêu GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đôi khi chưa cụ thể, rõ ràng; nhận thức của một số cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai nói riêng chưa đầy đủ; nội dung, hình thức, phương pháp GDPL đôi khi còn chậm được đổi mới, chưa phong phú, đa dạng; công tác sơ kết, tổng kết trong một số trường hợp cụ thể còn mang tính hình thức, chưa bám sát yêu cầu thực tiễn… Thực trạng trên đã ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng, hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

Mặc dù, những vấn đề lý luận về công tác GDPL cho đồng bào DTTS đã được các nhà khoa học, các chuyên gia thực tiễn ở trong nước và ở ngoài nước bước đầu

quan tâm, nghiên cứu. Tuy nhiên, chưa có một công trình khoa học đã được công bố nào nghiên cứu một cách trực diện, hệ thống, khoa học và toàn diện về công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trong quá trình thực hiện công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đòi hỏi nhiều vấn đề lý luận cần phải được tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, như: khái niệm, nội dung, hình thức, biện pháp và các điều kiện bảo đảm. Đây là những vấn đề quan trọng nhằm thống nhất về mặt nhận thức, định hướng hoạt động thực tiễn của các chủ thể, đối tượng có liên quan nhằm hiện thực hoá các mục tiêu chiến lược đã được Đảng, Nhà nước ta xác định trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Trong bối cảnh nước ta đang đẩy mạnh công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, *"cơ đồ, vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế*", thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an ninh, trật tự. Các thế lực thù địch và các loại tội phạm sẽ triệt để lợi dụng những sơ hở, thiếu sót trong việc ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là lợi dụng sự thiếu hiểu biết để mua chuộc, dụ dỗ, lôi kéo, xúi giục, kích động đồng bào DTTS nói chung, đồng bào Raglai nói riêng gây mất an ninh, trật tự trên địa bàn, xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân nhằm chống phá công cuộc đổi mới đất nước, đi lên xây dựng CNXH. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam là vấn đề mang tính cấp thiết.

Trên cơ sở các lý do trên, tác giả đã nghiên cứu, lựa chọn đề tài ***"Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam"*** làm luận án Tiến sĩ.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS, đánh giá thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Từ đó, tác giả đề xuất quan điểm, giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu trên, luận án cần tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ cơ bản sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài; chỉ ra những vấn đề có thể tham khảo, kế thừa, hoặc những vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện; đồng thời, tập trung làm rõ và câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu và khung phân tích lý thuyết.

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS, như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, hình thức, phương pháp; các điều kiện bảo đảm; kinh nghiệm GDPL cho đồng bào DTTS ở một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam.

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng và thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, chỉ ra những ưu điểm, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Đưa ra các dự báo, đề xuất các quan điểm, giải pháp nhằm bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong bối cảnh tình hình mới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai.

- *Về không gian:* luận án tập trung nghiên cứu ở Việt Nam, chủ yếu ở khu vực Nam Trung Bộ *(Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận,),* sau ngày 01/7/2025 là tỉnh Khánh Hòa, Lâm Đồng.

- *Về thời gian:* Luận án nghiên cứu từ năm 2017 đến nay *(Quyết định số 1163/QĐ-TTg, ngày 08/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, giai đoạn 2017-2021)*

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật; các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, về GDPL cho đồng bào DTTS, trong đó có đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

5.2 Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình triển khai nghiên cứu đề tài, tác giả đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cơ bản như:

- *Phương pháp thống kê - so sánh:* được tác giả sử dụng trong Chương 1 để tổng quan các công trình nghiên cứu điển hình có liên quan; trong Chương 2 để hệ thống hóa cơ sở lý luận của GDPL cho đồng bào Raglai; làm rõ các điều kiện bảo đảm, kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới trên lĩnh vực này và giá trị tham khảo cho Việt Nam; trong Chương 3 để làm rõ các yếu tố ảnh hưởng, đánh giá thực trạng GDPL cho đồng bào Raglai ở Việt Nam thời gian qua.

- *Phương pháp phân tích - tổng hợp:* được tác giả sử dụng trong Chương 1 để tổng quan các công trình nghiên cứu điển hình có liên quan; trong Chương 2 để làm rõ những vấn đề lý luận và các điều kiện bảo đảm; kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới và những giá trị có thể nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn nước ta; trong Chương 3 để chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; trong Chương 4 để đưa ra dự báo, đề xuất các quan điểm, hệ thống các giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào Raglai ở Việt Nam trong điều kiện mới.

- *Phương pháp lịch sử - cụ thể:* được tác giả sử dụng ở Chương 2 để làm rõ quá trình phát triển về tư duy nhận thức đối với các nội hàm khái niệm có liên quan đến GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trong Chương 3 để phân tích, làm rõ các yếu tố ảnh hưởng và những kết quả đạt được và nguyên nhân; những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong GDPL cho đồng bào Raglai ở Việt Nam thời gian qua.

- *Phương pháp chuyên gia:* được tác giả sử dụng để xin ý kiến góp ý của các đồng chí lãnh đạo, quản lý, cán bộ thực tiễn có nhiều kinh nghiệm trong tham mưu, lãnh đạo

tổ chức thực hiện GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng; các chuyên gia, nhà khoa học với các hình thức xin ý kiến chủ yếu, là: góp ý bằng văn bản, phỏng vấn trực triếp, phỏng vấn qua điện thoại…

- *Phương pháp nghiên cứu điển hình:* được tác giả sử dụng chủ yếu ở Chương 2 để phân tích, làm rõ những điểm nổi bật về đặc điểm tình hình có liên quan *(thuận lợi, khó khăn)* và thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai thời gian qua, trên các phương diện cụ thể như: mục tiêu, hình thức, nội dung... Qua đó, rút ra những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- *Phương pháp điều tra xã hội học:* được tác giả sử dụng để xây dựng, phát ra 200 phiếu khảo sát nhằm thu thập thông tin, số liệu liên quan đến công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam dành cho các đối tượng như: (1) cán bộ quản lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; (2) đồng bào dân tộc Raglai. Kết quả khảo sát là căn cứ thực tiễn quan trọng giúp tác giả đưa ra những phân tích, đánh giá thực trạng công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam thời gian qua; đưa ra các dự báo, đề xuất quan điểm, giải pháp mang tính hiệu quả, khả thi gắn với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Những điểm mới của luận án

Thứ nhất, luận án tổng quan được các công trình nghiên cứu điển hình có liên quan; xây dựng được khái niệm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai và làm rõ những những vấn đề lý luận khác, như: vai trò, đặc điểm, nội dung, hình thức, phương pháp và các thành tố cấu thành của GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai; các điều kiện bảo đảm, kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới và những giá trị có thể nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn ở Việt Nam.

Thứ hai, luận án đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng và phân tích, đánh giá được thực trạng GDPL của đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam một cách khoa học, hệ thống, toàn diện bám sát khung lý luận.

Thứ ba, luận án đề xuất quan điểm và các giải pháp cơ bản góp phần bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

6. Ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa về mặt lý luận

Kết quả nghiên của cứu luận án góp phần bổ sung, từng bước hoàn thiện hệ thống lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng.

6.2. Ý nghĩa về mặt thực tiễn

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm rõ thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam thời gian qua. Đồng thời, cung cấp những chỉ dẫn khoa học quan trọng giúp các cấp, các ngành có thể nghiên cứu, tham khảo và vận dụng hiệu quả vào thực tiễn công tác.

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng để làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy trong các cơ sở đào tạo về Luật học trong hệ thống giáo dục quốc dân và những người quan tâm đến vấn đề này.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận án được cấu trúc gồm 04 chương, 12 tiết.

Chương 1.
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục pháp luật

- Sách, *Nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong Công an nhân dân,* do Bộ Công an làm chủ biên, nhà xuất bản Lao động, năm 2016; sách, *Giáo dục pháp luật cho trẻ em ở Việt Nam hiện nay*, do TS Lê Thị Phương Nga làm chủ biên, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018; sách, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phổ biến, giáo dục pháp luật*, của PGS.TS Phạm Tất Viễn làm chủ biên, nhà xuất bản Bộ Tư pháp, năm 2021; sách, *Legal Education in the globe context - Giáo dục pháp luật trong bối cảnh toàn cầu,* của tác giả Cristopher Gane, Robin Hui Huang, Pub.Location, London, năm 2016; sách, "*Phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân ở khu vực biên giới biển của Bộ đội Biên phòng các tỉnh Tây Nam Bộ"* của tác giả Trần Đức Hưng, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, năm 2023; giáo trình, *Phổ biến, giáo dục pháp luật,* do Học viện Biên phòng, Bộ Quốc phòng làm chủ biên, nhà xuất bản Quân đội nhân dân, năm 2016; giáo trình, *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật,* của Trường Đại học Luật Hà Nội (tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi, bổ sung), năm 2017; luận án, *Giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam,* của tác giả Nguyễn Văn Vi, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, năm 2017; tài liệu, *Quy trình cơ bản phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp cơ sở*, do Bộ Tư pháp - Liên minh châu Âu - Chương trình phát triển Liên hợp quốc - Đồng chủ biên, nhà xuất bản Lao động, năm 2024...

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số

- Sách, *Tăng cường giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của tỉnh Đắk Lắk,* do PGS.TS Nguyễn Quốc Sửu làm chủ biên, năm 2014; sách, *Nâng cao hiệu quả phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về an ninh, trật tự trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng,* do TS Mai Kim Săng chủ biên, nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2023; luận án, *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Bolykhamsay, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào*, của tác giả Inpeng Younkham, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia, năm 2013; luận án, *Giáo dục pháp luật cho công chức hành chính ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hiện nay*, của tác giả Xilay Philavong, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, năm 2017; luận án, *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam*, của tác giả Dương Thành Trung, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, năm 2016; luận án, *Phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Thái ở Tây Bắc Việt Nam hiện nay,* của tác giả Lò Châu Thoả, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2020; bài báo khoa học, *Thực trạng và các yếu tố tác động đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về văn hóa, thể thao và du lịch cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới phía Bắc*, của tác giả Nguyễn Thanh Sơn, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số tháng 8/2023...

1.2.3. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

- Sách, *Hôn nhân và gia đình của dân tộc Raglai ở Khánh Hòa,* của tác giả Nguyễn Ngọc Thanh làm chủ biên, nhà xuất bản Khoa học xã hội, năm 2018; sách, *Luật tục Chăm và luật tục Raglai,* của tác giả PGS.TS Phan Đăng Nhật làm chủ biên, nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, năm 2023; luận án, *Biến đổi kinh tế, xã hội, văn hóa của người Raglai ở tỉnh Ninh Thuận, từ năm 1975 đến năm 2015*, của tác giả Nguyễn Thị Tuyết Hạnh, Đại học Đà Lạt, năm 2019; luận án, *Đặc điểm sử thi dân tộc Raglai,* của tác giả Nguyễn Thanh Tùng, Đại học Đà Lạt, năm 2024; luận án, *Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc Raglai ở tỉnh Khánh Hòa hiện nay,* của tác giả Nguyễn Văn Hạnh, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, năm 2025; bài báo khoa học, *Giá trị giáo dục trong luật tục của người Raglai ở Khánh Hoà,* của tác giả Nguyễn Thị Nga, Cổng thông tin điện tử Trường Đại học Khánh Hoà, số ngày 17/12/2018; bài báo khoa học, *Công tác xây dựng mô hình tự quản bảo đảm an ninh, trật tự trong cộng đồng người Raglai, tỉnh Ninh Thuận*, Cổng thông tin điện tử Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, năm 2019; bài báo khoa học, *Dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh vùng cực Nam Trung Bộ trong phát triển bền vững hiện nay - Một số vấn đề thực tiễn và giải pháp*, của tác giả Phú Văn Hân, Tạp chí Khoa học xã hội, số tháng 8/2022...

1.2. Một số nhận xét, đánh giá và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

1.2.1. Một số nhận xét, đánh giá

Một là, những vấn đề về lý luận. Các công trình nghiên cứu trên bước đầu đã đề cập đến một số nội dung liên quan đến GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, đa số các công trình trên đều chưa tiếp cận một cách trực diện, hoặc chưa hệ thống hóa được lý luận về GDPL trên lĩnh vực này, hoặc nếu có chủ yếu là mang tính giới thiệu khía cạnh mà chưa có cách tiếp cận lý luận về GDPL trong kỷ nguyên mới của dân tộc. Lý luận về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai chưa được đối sánh với thực tiễn một cách khoa học, toàn diện; chưa chỉ rõ những điểm lý thuyết mới cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Hai là, những vấn đề về thực tiễn. Các công trình khoa học đã được công bố trên đa số chưa phân tích, làm rõ được các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam, như: điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và cơ cấu tổ chức, nguồn lực và tình hình GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai so với khung lý luận cơ bản. Việc phân tích, làm rõ các kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam chưa mang tính hệ thống, tổng hợp, khái quát cao, hoặc chưa gắn với đặc thù của đồng bào dân tộc Raglai trong bối cảnh tình hình mới.

Ba là, các công trình nghiên cứu trên đã đưa ra ra các được các quan điểm, giải pháp nhưng chưa gắn trực tiếp đến GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai; một số ít công trình có đề cập nhưng chủ yếu là giải pháp bảo đảm GDPL nói chung, hoặc là các giải pháp cụ thể trong GDPL cho đồng bào DTTS chưa gắn với các đặc điểm cụ thể của đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong tình hình mới.

1.2.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Một là, hệ thống hóa, bổ sung cơ sở lý luận về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Trong đó, tập trung phân tích, so sánh, bổ sung những luận điểm mới, như: khái niệm, đặc điểm, nội dung; phương pháp, hình thức GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

Hai là, phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và những kết quả đã đạt được, những hạn chế, bất cập trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam và nguyên nhân so với khung lý luận cơ bản, yêu cầu đặt ra trong kỷ nguyên mới.

Ba là, trên cơ sở phân tích, đánh giá khách quan về cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn, tác giả đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai gắn với thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

1.3. Giả thuyết khoa học, câu hỏi nghiên cứu và khung phân tích lý thuyết

1.3.1 Giả thuyết khoa học

Giả thuyết khoa học: GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam phải đặt trong tổng thể công tác giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống. Tuy nhiên, hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào Raglai còn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn.

Dự kiến kết quả nghiên cứu: phân tích, làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn; đưa ra các dự báo, đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong bối cảnh, tình hình mới.

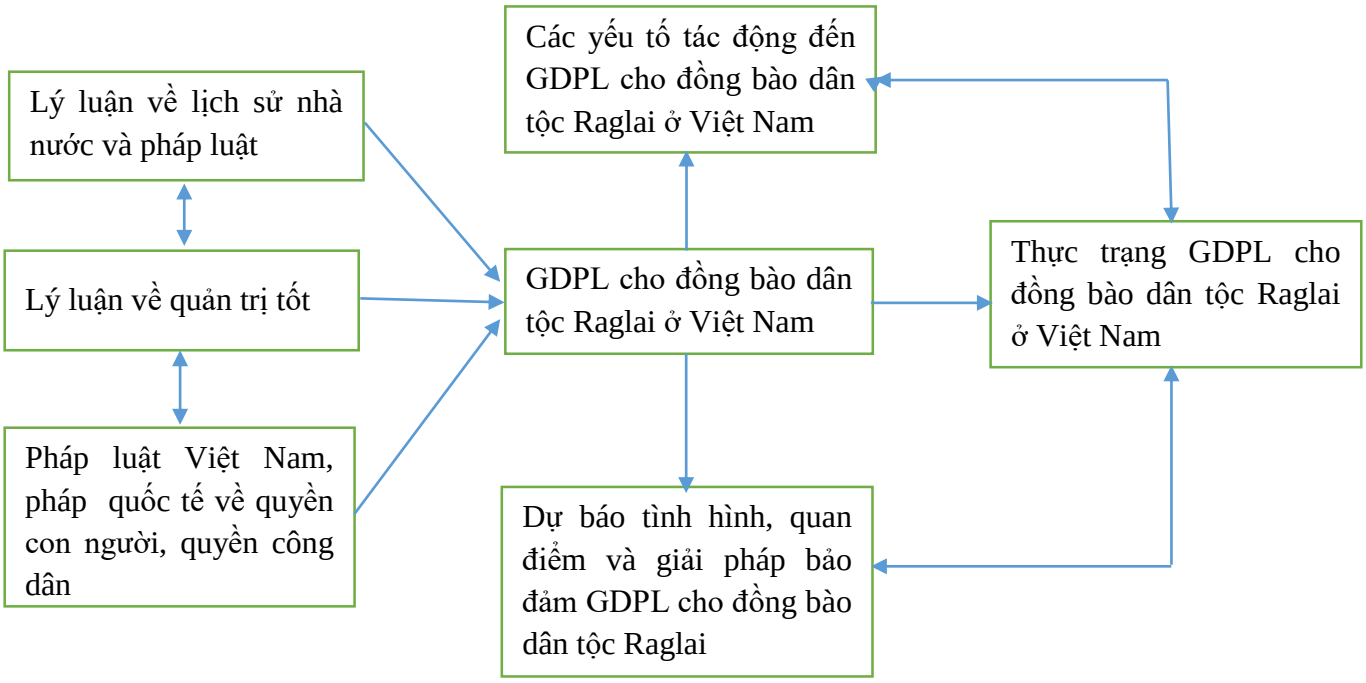
1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu

- *Câu hỏi 1:* Lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS đã được tiếp nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện chưa?

- *Câu hỏi 2:* Thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam đã đạt được những kết quả như thế nào? Nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế trên là gì?

- *Câu hỏi 3:* Cần phải nghiên cứu, nắm vững những quan điểm gì, thực hiện những giải pháp *"đột phá"* nào để góp phần bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới của dân tộc?

1.3.3. Khung phân tích lý thuyết



Chương 2.
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGLAI

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGLAI

2.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Trên cơ sở phân tích các khái niệm có liên quan và xuất phát từ thực tiễn nước ta hiện nay, có thể hiểu: *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam là quá trình tác động có hệ thống, mục đích, thường xuyên tới nhận thức của đồng bào dân tộc Raglai nhằm trang bị kiến thức pháp luật, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.*

2.1.2. Đặc điểm của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

2.1.2.1. Những đặc điểm chung

- Giáo dục pháp luật là hoạt động mang tính chủ định, có mục đích
- Giáo dục pháp luật là hoạt động mang tính hệ thống, toàn diện
- Giáo dục pháp luật là hoạt động mang tính khoa học, thực tiễn

2.1.2.2. Những đặc điểm riêng

- Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai được đặt trong mối quan hệ hài hoà với giáo dục các tri thức tinh hoa của dân cư
- Đối tượng GDPL cho đồng bào Raglai là nhóm cư dân người DTTS bản địa
- Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai là quá trình tác động của các chủ thể nhằm bảo đảm sự bình đẳng của người dân trước pháp luật, góp phần xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, phát triển bền vững
- Địa bàn GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa

2.1.3. Vai trò của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

- Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai góp phần quán triệt, thực hiện các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia
- Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, bảo đảm lợi ích chung của cộng đồng
- Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai góp phần bảo đảm sự công bằng và thực hành nền dân chủ xã hội chủ nghĩa
- Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai góp phần thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc
- Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Ragali góp phần bảo đảm phòng ngừa vi phạm, thực hiện pháp luật nghiêm minh

2.2. Các thành tố của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

2.2.1. Mục tiêu giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

- Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai hướng đến hình thành, củng cố ý thức pháp luật

- Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai hướng đến hình thành thái độ, tình cảm và niềm tin đối với pháp luật

- Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai hướng đến hình thành hành vi ứng xử tích cực theo pháp luật

2.2.2. Chủ thể, đối tượng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

2.2.2.1. Chủ thể giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Theo quy định tại Điều 37, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, chủ thể GDPL cho đồng bào DTTS gồm: các cơ quan, tổ chức, đoàn thể các cấp có chức năng và nhiệm vụ trong GDPL. Trên cơ sở đó, các chủ thể GDPL cho đồng bào DTTS, gồm: Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp; Sở Tư pháp, Hội Luật gia, Đoàn Luật sư cấp tỉnh và các tổ chức khác như: Công an, Quân đội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Các tổ chức này có lợi thế lớn khi sở hữu các tài liệu, thông tin, VBQPPL với đội ngũ cán bộ, chuyên gia pháp luật được đào tạo cơ bản, có kiến thức vững vàng và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực pháp lý của địa phương.

2.2.2.2. Đối tượng của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

- Theo địa bàn cư trú
- Theo độ tuổi
- Theo nghề nghiệp
- Theo vị thế xã hội
- Theo mục tiêu và nhu cầu tiếp thu kiến thức pháp luật

2.2.3. Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

2.2.3.1. Nội dung giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

- Hệ thống các VBQPPL nói chung, nhất là có liên quan đến đồng bào dân tộc Raglai

- Hệ thống các VBQPPL do chính quyền địa phương ban hành

- Thực tiễn đời sống pháp luật của đồng bào dân tộc Raglai trên địa bàn

2.2.3.2. Hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

Trên cơ sở Điều 11, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012, có thể khái quát các hình thức GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai như sau:

- Thông qua việc biên soạn, phát hành tài liệu pháp luật. Đây là hình thức GDPL được áp dụng rộng rãi, gần gũi với người dân, là cẩm nang, phương tiện hoạt động của những người làm công tác GDPL. Trong đó, tài liệu pháp luật gồm: đề cương tuyên truyền, văn bản pháp luật, sách hướng dẫn, giải thích pháp luật, sách hỏi, đáp pháp luật, bản tin...

- Thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, như: báo in, báo hình, loa truyền thanh, trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, khu dân cư ở tại địa phương; lồng ghép trong các chương trình, dự án, chính sách dân tộc, vận động, khuyến khích đồng bào người dân tích cực thực hiện chính sách, pháp luật.

- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật từ cơ sở đến cấp tỉnh cho các đối tượng là đồng bào dân tộc Raglai. Đây là một trong những hình thức GDPL hấp dẫn, có hiệu quả cao, được sử dụng phổ biến hiện nay. Kết quả GDPL thông qua hình thức thi tìm hiểu pháp luật tác động trực tiếp đến ý thức pháp luật của đối tượng dự thi.

- Thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của đồng bào dân tộc Raglai và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

- Thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý lưu động trực tiếp đến vùng đồng bào dân tộc Raglai tập trung sinh sống. Tư vấn pháp luật là việc giải đáp pháp luật, hướng dẫn ứng xử đúng pháp luật, cung cấp dịch vụ pháp lý nhằm giúp đồng bào thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Trợ giúp pháp lý là sự giúp đỡ miễn phí của các tổ chức trợ giúp pháp lý của Nhà nước cho đồng bào dân tộc Raglai tiếp cận với các dịch vụ pháp lý nhằm bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực hiện công bằng xã hội.

- Lồng ghép trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ; xây dựng, nâng cấp tủ sách pháp luật tại các thôn, bản thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở. Xây dựng mô hình điểm tại các thôn, bản, như: xây dựng, thực hiện hương ước của thôn, làng, bản; thông qua việc ký cam kết gia đình không có thành viên vi phạm pháp luật; xây dựng các điểm sáng về chấp hành pháp luật ở dân cư.

- Thông qua chương trình GDPL trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt là trong các trường dân tộc nội trú. Thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin, mạng internet. Trong bối cảnh của cuộc cách mạng 4.0, số lượng người dân sử dụng internet, mạng xã hội ngày càng tăng nhanh, nhất là trong giới trẻ, kể cả đồng bào DTTS nó chung, dân tộc Raglai nói riêng.

2.3. Các điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

2.3.1. Bảo đảm về chính trị

2.3.2. Bảo đảm về pháp lý

2.3.3. Yếu tố kinh tế - xã hội

2.3.4. Bảo đảm về nguồn nhân lực

2.3.5 Bảo đảm về quan hệ phối hợp

2.4. Kinh nghiệm giáo dục pháp luật của một số quốc gia trên Thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam

2.4.1. Kinh nghiệm giáo dục pháp luật của một số quốc gia trên thế giới

2.4.1.1. Kinh nghiệm giáo dục pháp luật tại Liên bang Nga

2.4.1.2. Kinh nghiệm giáo dục pháp luật tại Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

2.4.1.3. Kinh nghiệm giáo dục pháp luật tại Cộng hòa Liên bang Ôxtraylia

2.4.1.4. Kinh nghiệm giáo dục pháp luật tại Vương quốc Thái Lan và Singapore

2.4.5. Giá trị tham khảo cho Việt Nam

- *Về cơ cấu tổ chức.* Bên cạnh việc tổ chức các cơ quan chuyên trách về phổ biến, GDPL nói chung, trực thuộc Bộ Tư pháp; phân cấp, phân quyền trong GDPL cho đồng bào DTTS cho cấp ủy, chính quyền địa phương thì nên nghiên cứu, sắp xếp, hoặc thành lập mới cơ quan chuyên trách về GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, dân tộc Raglai nói riêng theo mô hình Văn phòng Tư pháp cơ sở. Những văn phòng này được đặt tại các khu vực có đông đồng bào dân tộc Raglai sinh sống để kịp thời hướng dẫn, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết, xử lý các vụ việc, tình huống pháp lý nảy sinh trong thực tiễn.

Xây dựng bộ tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ làm công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Mặc dù, chuyên trách, hoặc kiêm nhiệm đều bắt buộc phải có trình độ cử nhân luật và trải qua các kỳ thi sát hạch về kiến thức pháp luật, kỹ năng tuyên truyền trước khi được bổ nhiệm vào các vị trí công tác này. Ngoài ra, cần nghiên cứu, có chính sách thu hút, chính sách đặc thù với đội ngũ cán bộ làm công tác này nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

- *Về phương thức tổ chức thực hiện*

+ Tôn trọng các giá trị văn hóa, truyền thống bản địa.

+ Nội dung GDPL phải xuất phát từ nhu cầu thông tin pháp lý của cộng đồng dân tộc Raglai theo phương châm đáp ứng yêu cầu của người dân thay vì áp đặt từ các cơ quan nhà nước.

+ Đẩy mạnh triển khai GDPL trong các trường học, cần xây dựng chương trình GDPL và sách giáo khoa pháp luật phổ thông phù hợp cho học sinh là người dân tộc Raglai, không chỉ lồng ghép vào nội dung của môn *Giáo dục công dân* mà giảng dạy riêng biệt cho học sinh từ lớp 10 trở lên. Chú trọng đến các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng Raglai với nội dung đa dạng, hình thức hấp dẫn, phù hợp với khung giờ phát sóng, nhằm thu hút đông đảo người dân. Đồng thời, lồng ghép việc GDPL vào các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và bám sát yêu cầu thực tiễn. Ngoài ra, cần cung cấp miễn phí ấn phẩm, tài liệu GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai để nâng cao hiểu biết, áp dụng hiệu quả pháp luật vào thực tiễn cuộc sống. Quan tâm, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là người dân tộc Raglai có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

+ Nghiên cứu, triển khai hiệu quả mô hình Trung tâm tư pháp cộng đồng, có bổ sung, điều chỉnh phù hợp với văn hóa, điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các hình thức GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, như: tư vấn pháp luật miễn phí qua điện thoại, hoặc tổ chức các buổi tư vấn pháp luật miễn phí vào thời gian cố định nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đồng bào dân tộc Raglai trong việc tiếp cận, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến pháp luật.

Chương 3.
CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGLAI Ở VIỆT NAM

3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

3.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hoá ở Việt Nam

3.1.1.1. Điều kiện tự nhiên của Việt Nam

3.1.1.2. Tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa ở Việt Nam

3.1.2. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực thực hiện giáo dục pháp luật cho đồng bào Raglai ở Việt Nam

3.1.3. Tình hình giáo dục pháp luật ở vùng đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

3.2. Thực trạng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

3.2.1.1. Những kết quả đạt được

- Những kết quả đạt được về mục tiêu giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

- Những kết quả đạt được về nội dung giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

+ Hệ thống các VBQPPL được Nhà nước ban hành.

+ Hệ thống các VBQPPL được chính quyền địa phương ban hành.

+ Thực tiễn đời sống pháp luật của đồng bào DTTS trên địa bàn.

- Những kết quả đạt được về hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

+ Giáo dục pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn, tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật.

+ Thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, tranh cổ động, tủ sách pháp luật

+ Thông qua Internet, mạng xã hội và tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật

+ Thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở; lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của đồng bào dân tộc Raglai

+ Thông qua người có uy tín trong đồng bào dân tộc Raglai

3.2.1.2. Nguyên nhân của những kết quả đã đạt được

- Cấp uỷ, chính quyền địa phương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

- Sự phối hợp, hiệp đồng với tinh thần trách nhiệm cao của các chủ thể trong công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân dân Raglai ở Việt Nam

- Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ngày càng được bảo đảm về số lượng, chất lượng

- Đồng bào dân tộc Raglai đã tích cực, chủ động tham gia các hình thức giáo dục pháp luật

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chế độ chính sách có liên quan đến đồng bào ngày càng được hoàn thiện, đồng bộ hơn.

3.2.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân

3.2.2.1. Những hạn chế, bất cập

- Về mục tiêu GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai

- Về chủ thể GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai:

- Về đối tượng tiếp nhận GDPL là đồng bào dân tộc Raglai

- Về nội dung GDPL là đồng bào dân tộc Raglai

- Về hình thức GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai

3.2.2.2. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế, bất cập

- Cấp ủy địa phương đôi khi chưa quan tâm đúng mức trong công tác lãnh đạo công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai

- Chính quyền địa phương và cơ quan chức năng trong một số trường hợp còn chưa sâu sát, thiếu quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị

- Một bộ phận báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật thiếu tinh thần trách nhiệm, năng lực, trình độ chuyên môn còn hạn chế

- Một số đồng bào dân tộc Raglai thiếu chủ động, chưa tích cực tham dự các buổi giáo dục pháp luật

Chương 4.
DỰ BÁO VÀ QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC RAGLAI Ở VIỆT NAM

4.1. Dự báo tình hình

4.1.1. Cơ sở dự báo

4.1.1.1. Tình hình quốc tế

4.1.1.2. Tình hình trong nước

4.1.2. Nội dung dự báo các yếu tố tác động đến công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

4.1.2.1 Sự lãnh đạo của các cấp ủy, lãnh đạo các cấp đối với công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

4.1.2.2. Tác động của xu thế hội nhập quốc tế, mặt trái của nền kinh tế thị trường và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

4.1.2.3. Chủ trương tinh gọn tổ chức, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị của Đảng, Nhà nước ta

4.2. Quan điểm bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

4.1.1. Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trực tiếp là của cấp ủy, chính quyền địa phương

4.1.2. Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam phải thu hút sự tham gia của cả hệ thống chính trị và các tổ chức, cá nhân có liên quan

4.1.3. Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam phải gắn với giáo dục về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người dân

4.1.4. Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam phải gắn phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia

4.3. Các giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cấp uỷ, chính quyền địa phương, đội ngũ cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Thứ nhất, tăng cường nghiên cứu, quán triệt các văn bản, chỉ thị, nghị quyết, kết luận của đảng ủy cấp trên về công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng. Trọng tâm là, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012; Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 2/NQ/TW, ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045...

Thứ hai, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về tiến độ, hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Trong đó, cần chủ động làm tốt công tác nắm tình hình, đưa công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai vào chương trình, kế hoạch công tác hàng năm; định kỳ, đột xuất tiến hành thanh tra, kiểm tra tiến độ, hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai; phát huy vai trò trách nhiệm nêu

gương, tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là bí thư, cấp ủy địa phương trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; lấy hiệu quả của công tác GDPL là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy cấp trên trực tiếp, cấp ủy viên được phân công phụ trách.

Ba là, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội và quần chúng nhân dân đối với việc lãnh đạo, tổ chức thực hiện công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Tăng cường quan hệ phối hợp trong việc rà soát, xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp với các cơ quan chuyên trách, trong đó cần quy định rõ nội dung, trách nhiệm của các thành viên có liên quan. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức các hoạt động nhằm phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của cấp ủy, chính quyền địa phương; tiếp tục lãnh đạo công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng. Thường xuyên tiến hành sơ kết, tổng kết các quy chế phối hợp nhằm kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế, những khó khăn,vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để có biện pháp xử lý hiệu quả.

4.2.2. Rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách về công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Thứ nhất, rà soát, bổ sung, hoàn thiện về quan điểm, nội dung tiếp cận được quy định trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012 theo hướng: (1) Cách thức: cần tiếp cận dựa trên tư duy quyền và bảo đảm thực hiện quyền, trọng tâm là quyền được thông tin về pháp luật và được giáo dục ý thức pháp luật để hình thành nhân cách con người phát triển toàn diện. (2) Nội dung: quyền được thông tin về pháp luật bao gồm: quyền tự do tìm kiếm thông tin pháp luật; quyền được biết thông tin về những nội dung sửa đổi, bổ sung, quy định mới; các hành vi bị nghiêm cấm và chế tải xử lý đối với hành vi vi phạm; quyền được nêu ý kiến, bày tỏ quan điểm, thái độ trong quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL.

Thứ hai, rà soát, thay đổi về đối tượng, mức độ, phạm vi, phương pháp được quy định trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012 theo hướng: (1) nhận diện đầy đủ hơn về khái niệm, đặc điểm của GDPL; phân biệt rõ biệt giữa thông tin về pháp luật với GDPL với truyền thông chính sách, tuyên truyền, giáo dục ý thức chính trị, các hoạt động GDPL chuyên biệt thông qua các hoạt động thực tế pháp lý của các chủ thể. (2) đối tượng điều chỉnh: các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động GDPL gắn với việc ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền được thông tin về pháp luật của con người; (3) mức độ, phạm vi, phương pháp: GDPL phải được điều chỉnh dưới hình thức văn bản luật; bảo đảm sự kết hợp giữa phương pháp cưỡng

chế bắt buộc với phương pháp giáo dục, thuyết phục, động viên, khuyến khích trong phát huy ý thức tự giác, tích cực, chủ động của các chủ thể trong học tập, tìm hiểu pháp luật, trong tuân thủ, chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

Thứ ba, rà soát, đổi mới về nội dung, nguồn lực và các điều kiện bảo đảm, hiệu quả điều chỉnh được quy định trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, năm 2012 theo hướng: (1) nội dung điều chỉnh: tập trung vào chính sách về GDPL; các nguyên tắc GDPL; các hành vi bị nghiêm cấm và chế tài xử lý; địa vị pháp lý của các chủ thể; nội dung, hình thức GDPL; hoạt động GDPL và các tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác GDPL; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong GDPL; các điều kiện và nguồn lực bảo đảm thực hiện công tác GDPL; quản lý nhà nước về GDPL. (2) nguồn lực và điều kiện bảo đảm: làm rõ cơ sở của việc bố trí, phân bổ các nguồn lực; điều kiện bảo đảm thực hiện GDPL và tiêu chí đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực; hoàn thiện các quy định về nguồn lực bảo đảm cho công tác GDPL. (3) hiệu quả điều chỉnh: sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, trong hành vi, trong thái độ, trong tình cảm và trong ứng xử của các chủ thể đối với pháp luật trước và sau khi điều chỉnh bằng pháp luật so với chi phí và nguồn lực đầu tư, những tác động mang tính xã hội lên tính bền vững của tình hình ổn định xã hội.

4.2.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thực tiễn

Thứ nhất, thực hiện đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, từ xây dựng tiêu chuẩn, lựa chọn, sử dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quản lý, đánh giá, đến thực hiện chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ. Trong đó, cấp ủy, chính quyền địa phương phải tiến hành rà soát, đánh giá lại tổng thể đội ngũ cán bộ chuyên trách, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; đặt trong tổng thể việc rà soát, đánh giá lại tổng thể đội ngũ cán bộ theo tinh thần Nghị quyết số 56-NQ/TW ngày 25/11/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Tiếp tục rà soát đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp, hiệu quả; xây dựng chính sách hỗ trợ để thu hút đội ngũ chuyên gia pháp luật tham gia GDPL cho nhân dân.

Thứ hai, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách trong công tác quản lý nhà nước về giáo dục pháp luật, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật theo hướng: (1) Bộ Tư pháp cần phối hợp với Bộ Giáo dục và đào tạo trong việc rà soát, ban hành chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức gắn với từng đối tượng, địa bàn cụ thể; (2) cấp ủy, chính quyền địa phương phải tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để đội ngũ cán bộ quản lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật có điều kiện được nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn; (3) Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Tư pháp cần nghiên

cứu, đề xuất với lãnh đạo Bộ Tư pháp có chính sách phù hợp để đội ngũ cán bộ quản lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật yên tâm công tác và có động lực phấn đấu trong công việc.

Thứ ba, rà soát, lựa chọn những người có phẩm chất tốt, uy tín, ảnh hưởng trong đồng bào DTTS, có tư tưởng tiến bộ, ủng hộ chính quyền nhằm phục vụ công tác giáo dục chính sách pháp luật. Đồng thời, tham mưu xây dựng chiến lược cán bộ làm công tác GDPL trong giai đoạn mới; đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện bộ máy, đội ngũ cán bộ chuyên trách bảo đảm về số lượng và chất lượng với cơ cấu phù hợp. Rà soát, lựa chọn những cá nhân phù hợp để đào tạo, bồi dưỡng thành cán bộ chuyên trách nhằm góp phần phục vụ có hiệu quả cho việc triển khai các mặt hoạt động giáo dục chính sách, pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong kỷ nguyên mới.

4.2.4. Đổi mới nội dung, hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới nội dung GDPL nhằm bảo đảm phù hợp nhu cầu, đặc điểm của từng nhóm đối tượng, địa bàn, lĩnh vực cụ thể theo hướng lấy người dân làm trung tâm phù hợp với tinh thần của Luật Tiếp cận thông tin trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học 4.0 . Trong đó, cần xác định rõ nhu cầu, đặc điểm của từng nhóm đối tượng, địa bàn, lĩnh vực; nội dung GDPL cần được xây dựng trên cơ sở các vấn đề pháp lý phát sinh thường gặp trong thực tiễn đời sống; tổ chức các cuộc khảo sát, thăm dò ý kiến của người dân để chủ động nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng, hoặc những khó khăn, vướng mắc của người dân trong việc tiếp cận, áp dụng pháp luật. Kịp thời thông tin đầy đủ ngay từ khi soạn thảo các vấn đề có tác động lớn đến xã hội, hoặc các vấn đề được xã hội quan tâm, cần định hướng dư luận xã hội để tạo sự đồng thuận cao trong thực thi chính sách, pháp luật.

Thứ hai, đẩy mạnh đổi mới về hình thức GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Tăng cường trao đổi, đối thoại, giải đáp pháp luật; chú trọng GDPL qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và trong triển khai công tác tuyên giáo và dân vận của Đảng, tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân của các tổ chức đoàn thể xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác GDPL trên các phương tiện truyền thông đại chúng, các cơ quan báo chí nhất là truyền thông số, đa phương tiện. Tăng cường các hoạt động lồng ghép GDPL trong quá trình tổ chức các lễ hội, các hoạt động sinh hoạt văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc. Gắn kết giữa GDPL với các cuộc vận động khác do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận phát động. Thực hiện việc xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước cộng đồng, nhằm từng bước vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hoá, xóa bỏ các các quy định của luật tục lạc hậu, mê tín dị đoan...

Thứ ba, tăng cường các đợt trợ giúp pháp lý lưu động, thường xuyên cử công chức xuống địa bàn cơ sở để triển khai tổ chức thực hiện công tác GDPL; tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động đối với những vụ án được dư luận xã hội quan tâm; kết hợp chặt chẽ giữa GDPL với giáo dục luật tục, các phong tục, tập quán tốt đẹp của đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai nói riêng. Cần gắn kết chặt chẽ hơn nữa hoạt động GDPL với hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở qua các vụ việc, tình huống, sự kiện cụ thể; chủ động phát hiện, nhân rộng những cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả.

4.2.5. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Thứ nhất, rà soát hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, kỹ thuật, các trang thiết bị, nguồn nhân lực phục vụ công tác chuyển đổi số trong GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trong đó, cần đánh giá được thực trạng mức độ phủ sóng, tốc độ đường truyền Internet, xác định rõ các vùng *"lõm sóng"* để có phương án khắc phục. Đánh giá số lượng, chất lượng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ công tác chuyển đổi số; kiểm tra hệ thống mạng nội bộ, kả năng bảo đảm kết nối ổn định giữa các thiết bị, giữa các khu vực và địa bàn và các vấn đề liên quan đến bảo mật của hệ thống thông tin. Đánh giá số lượng và trình độ chuyên môn, nhất là kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ chuyên trách, các báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và những người có uy tín trong đồng bào dân tộc Raglai, sự phối hợp của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Thứ hai, số hóa đầy đủ các VBQPPL, tài liệu nghiệp vụ GDPL. Trong đó, cần tập trung số hóa những VBQPPL mới được ban hành, tài liệu tập huấn chuyên sâu về các văn bản mới, các tài liệu họp báo, ra thông cáo báo chí về văn bản này. Đăng tải đầy đủ, kịp thời, hệ thống các thông tin trên các phương tiện tryền thông đại chúng, Cổng thông tin Phổ biến, GDPL của quốc gia, của địa phương với tư cách là thiết chế cung cấp thông tin pháp luật chính thức với các trường thông tin đa dạng, phù hợp với nhu cầu tìm hiểu của nhân dân nói chung, đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng. Xây dựng, số hóa các Bộ pháp điển, không chỉ bao gồm các quy phạm pháp luật đang có hiệu lực mà còn chứa đựng các quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc chấm dứt hiệu lực để tích hợp, kết nối, liên thông với Cổng thông tin Phổ biến, GDPL quốc gia. Xây dựng các bộ tập hợp hóa văn bản pháp luật gắn với nghiên cứu, bình luận chuyên sâu của các chuyên gia để làm rõ nội dung, tinh thần của văn bản có so sánh, đối chiếu với các chuẩn mực quốc tế và dựa trên cơ sở lý luận của các học thuyết pháp lý.

Thứ ba, xây dựng, số hóa các tài liệu GDPL dùng chung trong cả nước; các tài liệu GDPL đặc thù dành riêng cho từng nhóm đối tượng, địa bàn, lĩnh vực cụ thể; tài

liệu GDPL chuyên sâu cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực này. Kết nối, liên thông, chia sẻ nguồn thông tin, tài liệu GDPL từ Cổng thông tin Phổ biến, GDPL quốc gia xuống địa bàn cơ sở để người dân dễ dàng tiếp cận, khai thác, sử dụng. Xây dựng Cổng thông tin điện tử Phổ biến, GDPL quốc gia kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia; tủ sách pháp luật điện tử quốc gia; Công báo điện tử và các cơ sở dữ liệu pháp luật khác; với Trang thông tin Phổ biến, GDPL trên Cổng thông tin điện tử của bộ, ngành, đoàn thể, địa phương.

Thứ tư, tổ chức các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu kiến thức pháp luật; kỹ năng xử lý các tình huống pháp lý; thi tìm kiếm giải pháp đổi mới công tác GDPL, thi sáng tác các tiểu phẩm GDPL để có được tài liệu GDPL có chất lượng tốt nhất làm cơ sở để xây dựng các tiểu phẩm tuyên truyền. Xây dựng các bài giảng điện tử, phát triển các phòng học trực tuyến để người dân, cán bộ có nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu, học tập có thể truy cập ở mọi lúc, mọi nơi. Thiết lập cơ chế để gia tăng sự tương tác giữa các chủ thể trong quá trình tiếp cận, khai thác và sử dụng để kịp thời giải tỏa vướng mắc. Nghiên cứu, sử dụng mạng xã hội để tăng cường truyền thông, GDPL để tạo sức lan tỏa xã hội; thu thập thông tin, nắm bắt nhu cầu và phản ứng của dư luận xã hội để có định hướng tương tác, điều chỉnh cho phù hợp nhằm định hướng dư luận. Thiết lập kênh đối thoại chính thức, trực tuyến giữa các cơ quan nhà nước với công dân, doanh nghiệp để thu thập, phân loại, xử lý và giải đáp kịp thời các thắc mắc của người dân, doanh nghiệp trong thi hành pháp luật.

4.2.6. Tăng cường xã hội hoá công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Thứ nhất, xây dựng, hoàn thiện các cơ chế phối hợp trong việc thực hiện công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, theo hướng: (1) Phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo trong việc nắm tình hình số lượng, kết quả triển khai thực hiện các chương trình GDPL; kết quả triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội; nắm tình hình và giải quyết các vấn đề liên quan đến dân tộc nói chung, dân tộc Raglai nói riêng, (2) Phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Tư pháp để rà soát, xây dựng, hoàn thiện pháp luật về GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai; xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp trong việc trao đổi thông tin với các sở, ban, ngành có liên quan.

Thứ hai, tiếp tục củng cố, kiện toàn Hội đồng phối hợp Phổ biến, GDPL các cấp theo hướng tinh, gọn mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Trong đó, rà soát, lựa chọn kỹ lưỡng các lãnh đạo, cán bộ có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, am hiểu về pháp luật, ngôn ngữ, phong tục, tập quán của đồng bào; bảo đảm yêu cầu về tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức theo quy định để sẵn sàng nhận, hoàn thành tốt nhiệm vụ được cơ quan, Hội đồng giao phó. Khi tham gia với tư cách là thành viên

Hội đồng Phổ biến, GDPL, cán bộ đó phải thể hiện chính kiến, quan điểm trên phương diện của cơ quan, tổ chức mình đang công tác chứ không phải là tiếp cận trên phương diện cá nhân. Nhanh chóng rà soát, xây dựng và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng, trong đó cần quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ; thống nhất về thành phần Hội đồng các cấp, trách nhiệm từng thành viên để phát huy tính chủ động, vai trò, trách nhiệm của từng thành viên trong hoạt động này được triển khai nhịp nhàng, liên tục, hiệu quả, tạo ra môi trường thuận lợi để các thành viên thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

Thứ ba, phát huy vai trò tiền phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Ngoài việc bảo đảm yêu cầu về trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, uy tín phù hợp với công việc, đội ngũ cán bộ, đảng viên còn cần nắm vững ngôn ngữ, chữ viết của đồng bào dân tộc Raglai, am hiểu phong tục, tập quán, luật tục, lối sống, tâm lý xã hội và thói quen của đồng bào dân tộc Raglai ở nước ta. Đặc biệt, phải có khả năng hòa nhập, sống cùng, làm việc cùng người dân trong thời gian dài để thấu hiểu và gắn bó với người dân, từ đó vừa thực hiện hiệu quả công tác GDPL để đưa ra những mô hình kinh tế mẫu mực. Lực lượng chuyên trách cần thể hiện được tính tiền phong, gương mẫu và có khả năng tạo dựng, củng cố niềm tin vững chắc, trở thành chỗ dựa tinh thần cho người dân vào cuộc sống mới; cần lựa chọn những cán bộ, đảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, gần gũi và sáng tạo, linh hoạt trong công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục quần chúng.

Thứ tư, phát huy vai trò xung kích lực lượng thanh niên tình nguyện từ các trường đại học, trung cấp trên địa bàn tham gia vào các hoạt động GDPL tại cơ sở. Kết hợp sử dụng linh hoạt các hình thức GDPL trực tiếp và lồng ghép vào các hoạt động văn hóa, lễ hội của người dân để tận dụng tối đa tri thức khoa học, pháp luật đời sống và sức trẻ của các sinh viên. Việc động viên, khích lệ tinh thần của lực lượng thanh niên tình nguyện sẽ giúp họ trở thành những nhân tố chủ chốt, xung kích trong việc góp phần làm cho các hoạt động văn hóa, lễ hội trở thành nền tảng vững chắc cho sự đoàn kết, tăng cường sự giao lưu, hiểu biết lẫn nhau giữa người bản địa và người nhập cư. Điều này không chỉ giúp nâng cao sự tôn trọng đối với tri thức pháp luật mà còn thúc đẩy sự tôn trọng đối với những giá trị văn hóa tiến bộ của đồng bào dân tộc Raglai.

Thứ năm, cần xây dựng cơ chế thu hút các cá nhân, hộ kinh doanh và doanh nghiệp trên địa bàn tích cực, chủ động tham gia vào công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai. Việc tận dụng nguồn tài chính, tri thức pháp luật về kinh doanh, đời sống và luật tục bản địa từ phía doanh nghiệp sẽ đóng góp không nhỏ vào việc nâng cao hiểu biết pháp luật cho cộng đồng. Bên cạnh đó, công tác GDPL cho đồng bào

dân tộc Raglai không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà còn là quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi công dân. Điều này sẽ thúc đẩy sự tương trợ giữa những người có nhiều kiến thức, am hiểu pháp luật chia sẻ cho những người ít hiểu biết hơn; tạo ra không gian trao đổi giữa các lĩnh vực khác nhau, góp phần xây dựng một xã hội dân chủ, hiểu biết, công bằng, minh bạch hơn.

4.2.7. Bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và chính sách cho công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam

Thứ nhất, bảo đảm các điều kiện về nguồn nhân lực, kinh phí và cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật cho công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác.

Thứ hai, chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; tổ chức triển khai nghiên cứu các dự án để ứng dụng hiệu quả vào quá trình GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Tham mưu lồng ghép, hoặc đưa các nội dung nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào các chính sách pháp luật, ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; cần đẩy nhanh tiến độ khảo sát nhu cầu trang cấp phương tiện kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu công tác chuyển đổi số; có cơ chế, chính sách hỗ trợ, đãi ngộ thích hợp đối với lực lượng tham gia vào công tác này. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác hiệu quả các VBQPPL cập nhật trên không gian mạng của Chính phủ, mạng Internet, xây dựng và triển khai rộng rãi các cơ sở dữ liệu pháp luật điện tử; cần khai thác tối đa các nguồn lực đầu tư cho GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam.

Thứ ba, bảo đảm nguồn nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Cần chú trọng bố trí hợp lý nguồn lực, từ kinh phí, cơ sở vật chất đến nguồn nhân lực phục vụ công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; tranh thủ tối đa nguồn lực từ đội ngũ thanh niên tình nguyện, phát huy vai trò của các già làng, trưởng thôn, cán bộ hòa giải cơ sở và những người có uy tín trong cộng đồng, đặc biệt là những người làm kinh tế giỏi, các chủ doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh. Rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm thu hút, khuyến khích, động viên các đối tượng này tích cực, chủ động tham gia vào công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam, cần triệt để khai thác các tiềm năng tri thức về khoa học công nghệ, pháp luật, luật tục và các tri thức đời sống của các chủ thể này và các nguồn lực khác để phục vụ công tác GDPL cho đồng bào DTTS nói chung, đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nói riêng.

Thứ tư, tăng cường quan hệ phối hợp với cơ quan chức năng có liên quan trong việc nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện các chế độ, quy định về bảo đảm, quản lý, sử

dụng kinh phí GDPL. Cần rà soát nhu cầu về kinh phí, trang cấp, mua sắm, sửa chữa các phương tiện kỹ thuật; bảo đảm cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; chú trọng bảo đảm kinh phí in, mua tài liệu pháp luật cấp đến cơ sở và các tủ sách, ngăn sách pháp luật; xây dựng cơ chế hỗ trợ kinh phí phù hợp cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật. Xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí đối với từng địa phương, từng nhiệm vụ cụ thể bảo đảm khoa học, hiệu quả, chính xác, tránh lãng phí.

KẾT LUẬN

Giáo dục pháp luật là một bộ phận cấu thành của khoa học lý luận về nhà nước và pháp luật. Xuất phát từ vị trí, vai trò và ý nghĩa của GDPL, nhất là trong bối cảnh nước ta đang xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và chủ động hội nhập quốc tế một cách sâu rộng, toàn diện, GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào DTTS nói riêng đã được các nhà khoa học, các chuyên gia thực tiễn bước đầu quan tâm nghiên cứu. Đến nay, chưa có một công trình khoa học đã được công bố nào nghiên cứu một cách trực diện, có hệ thống, khoa học về công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Tuy nhiên, các công trình khoa học này là cơ sở khoa học quan trọng giúp tác giả trong việc nghiên cứu, luận giải các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên GDPL nói chung đặt trong mối quan hệ với duy trì văn hóa tốt đẹp của đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam. Trên cơ sở phân tích, làm rõ cơ sở lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS và thực trạng công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam, tác giả đưa ra một số kết luận sau:

1. Giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS là một hoạt động giáo dục chuyên biệt, vừa là bộ phận cấu thành quan trọng của GDPL nói chung, đặt trong mối quan hệ gắn bó mật thiết với giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống. Bên cạnh những đặc điểm của công tác GDPL nói chung, xuất phát từ đặc điểm về ngôn ngữ, văn hóa, địa bàn sinh sống nên công tác GDPL cho đồng bào DTTS còn có những đặc trưng riêng. Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước sẽ tiếp tục có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường, thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Các thế lực thù địch, các loại tội phạm sẽ triệt để tìm mọi cách để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lợi dụng các vấn đề về dân tộc, tôn giáo, nhân quyền để dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo, khống chế, kích động quần chúng nhân dân nói chung, đồng bào DTTS nói riêng để chống phá công cuộc đổi mới đất nước, đi lên xây dựng CNXH nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước nhằm hướng lái nước ta theo con đường tư bản chủ nghĩa.

2. Trên thế giới và ở trong nước đã có một số công trình khoa học bước đầu quan tâm, nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến công tác GDPL nói chung. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên vẫn còn phân tán, tản mạn, chưa có một công trình nghiên cứu trực diện, khoa học và hệ thống về vấn đề này, hoặc nếu có thì chủ yếu là mang tính giới thiệu các khía cạnh có liên quan. Vì vậy, trên phương diện lý luận và thực tiễn về công tác này vẫn còn nhiều vấn đề phải tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện. Kết quả nghiên cứu của luận án đã góp phần bổ sung, từng bước

hoàn thiện lý luận về GDPL cho đồng bào DTTS, như: khái niệm, vị trí, vai trò, đặc điểm, nội dung, hình thức và các điều kiện bảo đảm. Đồng thời, chỉ ra được các yếu tố cấu thành; kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam. Trên cơ sở làm rõ các yếu tố tác động và thực trạng công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai, tác giả đã đưa ra dự báo, đề xuất 04 quan điểm và 07 giải pháp cơ bản nhằm bảo đảm công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã đưa ra khái niệm sau: *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai là quá trình tác động có hệ thống, mục đích, thường xuyên của các chủ thể đến nhận thức của đồng bào dân tộc Raglai nhằm trang bị kiến thức pháp luật, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.* Trên cơ sở đó, tác giả đã chỉ ra các yếu tố tác động và phân tích, đánh giá thực trạng công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai như: (1) Những kết quả đạt được và nguyên nhân; (2) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Đây là những cơ sở thực tiễn quan trọng để tác giả đưa ra những dự báo, đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

4. Để góp phần bảo đảm công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam trong bối cảnh tình hình mới, tác giả đã dự báo các yếu tố tác động và đề xuất 04 quan điểm, 07 giải pháp cơ bản góp phần bảo đảm công tác GDPL cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, gồm: (1) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cấp uỷ, chính quyền địa phương, đội ngũ cán bộ về vị trí, vai trò của công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; (2) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; (3) Xây dựng đội ngũ cán bộ thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; (4) Đổi mới nội dung, hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam (5) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; (6) Tăng cường xã hội hoá công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam; (7) Bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và chính sách cho công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Raglai ở Việt Nam./.

CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Nhị Hà (2024), *Nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Ninh Thuận,* Tạp chí Quản lý nhà nước, ISSN: 2354-0761, số tháng 12/2024.

2. Nguyễn Nhị Hà (2025), *Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận,* Tạp chí Quản lý nhà nước, ISSN: 2354-0761, số tháng 4/2025.

3. Nguyễn Nhị Hà (2025), *Xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số tại địa bàn tỉnh Ninh Thuận đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới,* Tạp chí Cộng sản, ISSN: 2734-9071, số ngày 15/4/2025.

4. TS. Nguyễn Mạnh Hùng - Ths Nguyễn Nhị Hà (2025), *Quản lý nhà nước bằng pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh đối với người nước ngoài của lực lượng CAND Việt Nam, Nxb Công an nhân dân,* Hà Nội.